

Số: **890**/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **15** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; Công văn số 1544/BYT-TCDS ngày 11/3/2021 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1803/TTr-SYT ngày 10/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Dân số - KHHGĐ;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các hội, đoàn thể tỉnh;
- CVP;
- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh;
- Lưu: VT, VXVN (V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Duy Hưng

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống
thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**
(Kèm theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương; phấn đấu xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số, làm cơ sở thống nhất quản lý chương trình từ cấp tỉnh đến cơ sở một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu quản lý và điều hành của các đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

- Nâng cao vai trò, nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền về tầm quan trọng của thông tin, dữ liệu dân số; ban hành văn bản chỉ đạo; bố trí cán bộ đủ năng lực, đầu tư ngân sách cho hệ thống thông tin chuyên ngành dân số.

- Phân tích thực trạng kho dữ liệu chuyên ngành dân số tại địa phương, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất chính sách, cơ chế phối hợp, quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu và phổ biến thông tin giữa các cấp, các ngành phù hợp với đặc điểm của tỉnh.

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 đảm bảo công tác thu thập, cập nhật thông tin thường xuyên của đội ngũ cộng tác viên dân số; nâng cao chất lượng thông tin số liệu; xây dựng báo cáo phân tích chuyên sâu, báo cáo tổng quan, báo cáo chuyên đề về dân số phản ánh hiện trạng, phân tích động thái, phát hiện những vấn đề dân số mới nảy sinh; đào tạo và đào tạo lại về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tham gia hệ thống; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành; đầu tư, trang thiết bị, đường truyền cho kho dữ liệu tại các cấp phù hợp với từng địa phương.

II. SỰ CẦN THIẾT

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và tiếp tục được cụ thể hóa tại Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.

Hiện nay, hệ thống báo cáo thống kê chuyên ngành về Dân số - KHHGD của tỉnh Bắc Kạn đã được tin học hoá bằng việc sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin quản lý Dân số - KHHGD từ tỉnh đến cấp huyện. Tuy nhiên, chất lượng thông tin chuyên ngành dân số chưa đáp ứng thật đầy đủ tình hình và dự báo dân số phục vụ nghiên cứu, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin số liệu ở các cấp quản lý, điều hành. Bên cạnh đó, việc sử dụng báo cáo thống kê chuyên ngành về dân số từ thôn, xã lên cấp huyện vẫn chưa được tin học hoá. Đồng thời, trong 3 năm gần đây đội ngũ làm công tác dân số ở cơ sở (cấp xã và cấp thôn) có sự thay đổi liên tục, không được đào tạo, tập huấn kịp thời, nhiều địa bàn không có cộng tác viên dân số hoạt động nên độ tin cậy của kho dữ liệu dân cư không có độ tin cậy cao.

Do đó, việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết, nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin số liệu phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp một cách nhanh chóng và chính xác, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

III. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.
- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới.
- Pháp lệnh Dân số; Pháp lệnh sửa đổi điều 10 Pháp lệnh Dân số và các Nghị định hướng dẫn thực hiện.
- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
- Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.
- Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.
- Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy Bắc Kạn thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày

25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Cơ sở thực tiễn

Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số - KHHGD đã thu thập, cập nhật các thông tin cơ bản của từng người dân trong từng hộ gia đình và thống kê các thông tin biến động (sinh, chết, kết hôn, ly hôn, chuyển đi, chuyển đến...). Kho dữ liệu điện tử Dân số - KHHGD ở cấp tỉnh và cấp huyện được sử dụng để tổng hợp, tra cứu các số liệu Dân số - KHHGD; đăng nhập vào chương trình người sử dụng để khai thác thông tin các cá nhân từ giới tính, ngày tháng năm sinh, dân tộc, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, tình trạng hôn nhân, tình trạng cư trú,... đến các thông tin về sức khỏe sinh sản của phụ nữ từ 15 - 49 tuổi. Nhờ có hệ thống quản lý thông tin Dân số - KHHGD mà việc thu thập, theo dõi, phân tích, phổ biến và sử dụng số liệu về dân số hợp lý hơn.

Cùng với quá trình tin học hóa trong thời gian qua, các thông tin được cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản ghi chép trong Sổ A0 đã được nhập dữ liệu vào phần mềm Hệ thống thông tin quản lý Dân số - KHHGD tạo thành các kho dữ liệu điện tử Dân số - KHHGD ở cấp huyện, cấp tỉnh. Hệ thống Sổ ghi chép ban đầu về Dân số - KHHGD điện tử góp phần cải tiến phương thức thu thập, ghi chép thông tin ban đầu và báo cáo số liệu thống kê về Dân số - KHHGD. Hệ thống này đã góp phần phục vụ cho việc quản lý, điều hành công tác Dân số - KHHGD các cấp, lập tự động các báo cáo điện tử định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về Dân số - KHHGD.

Dựa theo các chỉ tiêu thông tin đầu vào/đầu ra, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử Dân số - KHHGD bao gồm nhiều nội dung về dân cư dùng chung, những dữ liệu điện tử của từng cá nhân trong mỗi hộ gia đình có thể được khai thác, chia sẻ, trao đổi; đồng thời, có thể là công cụ dùng chung phục vụ quản lý hành chính thông qua trao đổi số liệu về các cá nhân, hộ gia đình giữa các cơ quan, đơn vị, cơ sở dịch vụ...

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số góp phần xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của mọi cơ quan, tổ chức nhằm thực hiện thành công Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; người làm nhiệm vụ cộng tác viên dân số thôn, tổ thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.

- 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng sau năm 2025.

- 100% cấp huyện xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số vào năm 2025; cấp xã đạt 100% năm 2030.

- 80% ngành, lĩnh vực, đơn vị trong tỉnh sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030.

- Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trong xã hội đạt ít nhất 5 ứng dụng năm 2025; ít nhất 10 ứng dụng năm 2030.

V. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 1 (2021 - 2025): Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình.

- Giai đoạn 2 (2026 - 2030): Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 1, xây dựng các hoạt động phù hợp trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Phạm vi: Triển khai trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Đối tượng

- Đối tượng tác động: Cơ quan dân số, y tế các cấp, cán bộ làm công tác dân số các cấp.

- Đối tượng thụ hưởng: Cơ quan quản lý có liên quan, người dân.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

- Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về vai trò của thông tin số liệu chuyên ngành dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại... đến cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, tổ chức và người dân. Làm sâu sắc hơn nữa vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Định kỳ cung cấp báo cáo phân tích chuyên sâu, báo cáo tổng quan, thông tin số liệu về tình hình dân số cho các Sở, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí để tổ chức tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục về công tác dân số trong tình hình mới.

- Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng thông tin số liệu dân số; phát triển bản đồ dân số điện tử; xây dựng báo cáo chuyên sâu, tài liệu, hướng dẫn; dự báo động thái, vấn đề dân số mới nảy sinh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định, cơ chế phối hợp, cung cấp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

- Rà soát, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu.

3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Duy trì và củng cố hoạt động thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu các cấp. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số từ tỉnh, huyện đến thôn bản, tổ phố; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

- Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số:

+ Xây dựng, triển khai giải pháp đề số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp huyện, tỉnh.

+ Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có.

+ Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, phát triển các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành; phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số.

+ Triển khai các giải pháp kết nối chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; hoàn thiện hệ thống phần mềm dùng chung, ứng dụng trên thiết bị di động thông minh thông qua các giải pháp công nghệ hiện đại, có khả năng tổng hợp, phân tích và tự động kết xuất thông tin số liệu cơ bản về dân số.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên tham gia Chương trình

- Trên cơ sở sử dụng bộ máy, nhân lực hiện có của cơ quan y tế - dân số ở các cấp bảo đảm đủ khả năng thực hiện thu thập, cập nhật, tổng hợp, xử lý, khai thác và vận hành thiết bị của hệ thống từng cấp phù hợp với yêu cầu của Kế hoạch; đồng thời tuyển chọn, đào tạo cán bộ chuyên sâu, chuyên gia về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5. Huy động nguồn lực

- Đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện Chương trình, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, người làm nhiệm vụ cộng tác viên dân số thôn, tổ tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

- Bố trí chương trình, dự án về hệ thống thông tin chuyên ngành dân số vào chương trình, dự án đầu tư công. Tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan (nếu có).

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Chương trình.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác (nếu có).

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể và lồng ghép triển khai trong các hoạt động có liên quan của ngành.

- Chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGD, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; triển khai lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

- Kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin số liệu, xây dựng báo cáo phân tích chuyên sâu, xây dựng báo cáo tổng quan, báo cáo chuyên đề về dân số phản ánh hiện trạng, phân tích động thái, phát hiện những vấn đề dân số mới nảy sinh phục vụ cho xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xem xét cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

3. Các Sở, ngành liên quan

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, Sở Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan.

- Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của ngành mình.

- Các sở, ngành khác có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp triển khai các nội dung của kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện tại địa phương.

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí ngân sách địa phương và huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin bảo đảm theo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định để thực hiện và nâng cao chất lượng hoạt động kho dữ liệu điện tử.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Sở Y tế theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế để tổng hợp)./.
